



# Bà Ngô Đình Nhu

Peter Brush

*Tác giả Peter Brush là một cựu sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, đã từng đóng quân ở Quảng Trị trong 2 năm 1967 và 1968. Sau chiến tranh, ông đi học trở lại và tốt nghiệp Thạc sĩ Chính trị học. Hiện nay, ông là Quản thủ Thư viện của Đại học Vanderbilt, tiểu bang Tennessee. Ông còn là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu giá trị khác về Việt Nam.*

Trong lịch sử ngắn ngủi của Nam Việt Nam, một người đàn bà đầy mưu mô tên là “Lệ Xuân” đã dùng tất cả mảnh lối để đưa mình lên đỉnh cao của quyền lực. Trong tiến trình đó, bà đã châm ngòi thù hận tôn giáo, ban hành những luật lệ đạo đức khắt khe, âm thầm nuôi dưỡng tham nhũng và làm cho người Việt lẫn các nước bạn đồng minh công phần đến mức suốt đời bà bị gán hống danh là “Rồng Phu Nhân”. Đây là tên của một nhân vật nữ quỷ quái một cách tuyệt vời do họa sĩ Milt Caniff tạo ra năm 1934 trong loạt chuyện tranh bằng hình “Terry and the Pirates” nổi tiếng của Mỹ. Người thiếu phụ trẻ tuổi Trần Lệ Xuân đã trở thành một bà Ngô Đình Nhu cố chấp, giữ vai chính trong một vở kịch phức tạp và huyền bí làm cho nước Mỹ bị lôi vào một bẫy sập. Bà cũng cho thấy trước những vị cay đắng của một thập niên tàn khốc tiếp theo sự ra đi của bà.

Trên cương vị là một người em dâu của Tổng thống độc thân Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, bà Ngô Đình Nhu tự coi mình là “Đệ Nhất Phu Nhân” và là người đàn bà nổi tiếng và nhiều quyền uy nhất nước. Bản tính không ngại ngần những điều dị nghị và thích thú với tiếng tăm, Bà Nhu được Tổng thống Diệm ủng hộ tối đa nhưng cũng bị Tổng thống John F. Kennedy và chính quyền nước Mỹ quá sức chán ghét. Cuộc đời lên bổng xuống trầm của Bà Nhu đã tượng trưng cho một bãi lầy mà chính sách ngăn chặn Cộng sản của Mỹ tại Đông Nam Á đã được xây dựng trong những năm đầu thập niên 1960.

Sinh năm 1924, cô Trần Lệ Xuân ra đời và lớn lên từ một trong những gia đình giàu có và quý phái nhất Việt Nam. Gia tài kếch sù của họ đã được xây dựng từ nhiều năm phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Cô ta có 20 người hầu hạ trong căn nhà ở Hà Nội, nơi mà thân phụ của cô hành nghề luật sư. Cô Lệ Xuân là một học sinh tâm thường nhưng giỏi tiếng Pháp mặc dù không viết được tiếng Việt và không học hết bậc trung học. Cô không có một tuổi thơ vui vẻ vì cảm thấy không có được tình thương của Mẹ, từ đó cô thường tranh cãi với Mẹ. Cô đã muốn lấy chồng sớm để thoát ly khỏi vòng kềm tỏa của gia đình.

Ông Ngô Đình Nhu tuổi ngoài 20 ở Paris, học về văn hoá và thư viện. Gia đình nhà Ngô đã đổi qua đạo Công Giáo từ thế kỷ 17. Thân phụ của ông Nhu đã từng là cố vấn (Phụ Chính Đại Thần - LND) cho Hoàng đế của Việt Nam. Đầu những năm 1940, ông Nhu trở về Hà Nội làm quản thủ thư viện Đông Dương. Thời kỳ này, ông trở thành một người ngưỡng mộ Mẹ của cô Lệ Xuân qua phòng khách văn chương của bà (là nơi, bắt chước theo phong cách người Pháp *salon littéraire*, các nhà trí thức tụ họp để thảo luận những đề tài văn nghệ – LND). Trong khi ông Nhu đem sách vở đến và dạy kèm tiếng La-Tinh cho cô Lệ Xuân thì cô gái 19 tuổi này lập ra một kế hoạch để thoát khỏi vòng kềm kẹp của gia đình. Mặc dù nhỏ hơn ông Nhu 14 tuổi, và cũng không yêu, bà đã đổi qua đạo Công Giáo và lấy ông này năm 1943. Ba năm sau khi hai người thành vợ chồng, chiến tranh bùng nổ giữa Việt Minh và Pháp. <sup>(1)</sup>

Anh em nhà ông Nhu chống Cộng một cách mạnh mẽ. Một người anh, là ông Ngô Đình Diệm, bị Việt Minh bắt giam và nhốt tù một thời gian ngắn; một người anh khác, là ông Ngô Đình Khôi, bị Việt Minh giết. Ông Nhu đã tìm cách tránh được chuyện bị bắt giữ nhưng bà Nhu thì không thoát được. Bà và người con gái mới sinh (Lệ Thủy) bị Việt Minh bắt tháng 12 năm 1946 và giữ bốn tháng trong một ngôi làng hẻo lánh. Sau khi quân thực dân Pháp tiến chiếm vùng này, gia đình bà được giải thoát và đoàn tụ với gia đình rồi dời về sống trong thành phố nghỉ mát Đà Lạt trên Cao nguyên Trung phần. Tại đây, ông bà Nhu đã ra một tờ báo và bắt đầu tổ chức yểm trợ cho ông Diệm, khi đó được coi như là một lãnh tụ quốc gia chống Cộng đang lưu vong ở Mỹ.

Năm 1953, ông Nhu dọn vào Sài Gòn. Ông tổ chức biểu tình chống Pháp thực dân và Cộng sản. Ông cũng mưu đồ kế hoạch để phá hoại những ủng hộ cho Hoàng đế Bảo Đại hầu nâng cao uy tín của phong trào quốc gia do ông Diệm lãnh đạo. Ông Diệm khi ấy ở Pháp và đang tiếp xúc với cộng đồng đồng đức người Việt đang lưu vong ở Paris. Vào tháng 3 năm 1954, khi một lực lượng Việt Minh hùng hậu đang đe dọa quân thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, vua Bảo Đại - bị phần lớn dân Việt coi như bù nhìn của thực dân Pháp - nhận ra là thực dân Pháp có thể sắp phải rời khỏi Việt Nam. Tháng 6 năm 1954, dựa trên sự ủng hộ ông Diệm của quân chúng Việt Nam, Bảo Đại phong ông Diệm giữ chức Thủ tướng cho vua Bảo Đại.

Năm sau, ông Nhu tạo ra một kế hoạch giúp ông Diệm thắng ông Bảo Đại trong cuộc tranh giành quyền lực: Tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để dân chúng chọn một trong hai người. Lúc này, ông Nhu đã nắm quyền chỉ huy mật vụ để từ đó có thể quyết định kết quả cuộc trưng cầu dân ý ngày 25 tháng 10 năm 1955. Với kết quả thắng khủng khiếp 98.2 %, ông Diệm đã “thắng” cuộc bầu cử và bắt đầu thủ tục loại vua Bảo Đại, tuyên bố thành lập một nền Cộng hòa, tự xưng Tổng thống và bắt đầu một chế độ độc tài. Vì kịch liệt chống Cộng sản, ông Diệm được chính quyền Eisenhower sẵn sàng ủng hộ và viện trợ hàng trăm triệu Mỹ kim. Với ông Nhu ở bên cạnh, ông Diệm đã hạ bệ tất cả các kẻ thù chính trị và xây dựng quyền hành của ông trong vài năm sau đó.

Ông bà Nhu dọn vào Dinh Độc Lập và kiểm soát mọi tiếp xúc của ông anh Tổng thống. Quyền lực của hai ông bà Nhu trở nên vô giới hạn. Ký giả David Halberstam đã làm một so sánh tương quan quyền lực này nếu ông Diệm làm Tổng thống Mỹ thì ông Nhu sẽ có quyền kiểm soát tất cả báo chí của 50 tiểu bang, ông sẽ cầm đầu các cơ quan C.I.A., F.B.I. và Quốc hội; ông sẽ cầm đầu cả hai Bộ Tư pháp và Ngoại giao; ông cũng là người viết tất cả báo cáo cho Toà Bạch Cung <sup>(2)</sup>. Cả hai ông và bà Nhu đều là dân biểu Quốc hội năm 1956, nhưng rất ít khi cả hai ông bà đi họp. <sup>(3)</sup>

Vì ông Diệm không có vợ, Bà Nhu làm nhiệm vụ “Đệ Nhất Phu Nhân” với tất cả rình rang và uy quyền của chức vụ này. Năm 1956, bà bắt đầu một chiến dịch quan trọng để thay đổi mối liên hệ gia đình Việt Nam một cách sâu đậm. Sau khi Luật Gia Đình 1958 của Bà Nhu được bầu thành luật thì đa thê, ly dị và ngoại tình trở nên bất hợp pháp. Đàn bà được bình quyền với đàn ông trong nhiều lãnh vực. Nhiều ông Dân biểu trong Quốc hội không đồng ý với những luật này của Bà Nhu và họ đã lên diễn đàn để đối chất. Bà Nhu đã giễu cợt ông Chủ tịch khối đa số và gọi ông ta là “*một con heo*”. <sup>(5)</sup>

Chính sách đàn áp của chính quyền đã giúp chế độ ông Diệm được vững mạnh nhưng làm cho dân chúng dần dần xa lánh chế độ - và Việt Cộng đã khai thác cái ác cảm này trong người dân. Cuối thập niên 1950, ảnh hưởng Việt Cộng đã lan rộng đến mức tạo thành những khủng hoảng chính trị cho miền Nam. Khuynh hướng cai trị độc tài của Tổng thống Diệm nếu đã không gia tăng nhanh chóng là vì ông còn phải dựa vào những anh em trong gia đình ông. Cả bốn người anh em của ông đều nắm những vai trò quan trọng trong việc điều khiển Nam Việt Nam. Mặc dù nắm giữ uy quyền tối quan trọng, ông bà Nhu không có một chức vụ chính thức gì trong chính phủ của Tổng thống Diệm. Chức vụ chính thức của ông Nhu là *Cố vấn* của Tổng thống. Bà Nhu cầm đầu Phong trào Phụ nữ Liên đới và chịu trách nhiệm về mọi vấn đề phụ nữ một cách tổng quát. Dù vậy, càng ngày, ảnh hưởng và quyền lực của ông bà Nhu càng gia tăng đến mức mà nhiều quan sát viên đã cho là ông Nhu có nhiều quyền hơn cả ông Diệm vì ông có ảnh hưởng rất mạnh lên những suy tư của ông anh Tổng thống. Một số quan sát viên khác thì cho rằng chính Bà Nhu mới là nhân vật thống trị trong gia đình nhà Ngô. Càng ngày bà càng tìm cách dính dấp vào những chuyện đi ra ngoài địa hạt của chuyện phụ nữ và tìm cách để được ngang hàng với ông Tổng thống. <sup>(6)</sup>

Nhà ngoại giao John Mecklin, làm việc với cơ quan USIA (Phòng Thông Tin Mỹ) ở Việt Nam từ 1961 đến 1962, đã có cơ hội được biết Tổng thống Diệm và ông bà Nhu một cách thân mật. Theo ông thì cả gia đình này đều bị bệnh thần kinh. Thật như vậy, vì nhiều hành vi của họ lạ lùng đến mức người ta phải nghĩ là họ muốn chết. Theo ông Mecklin, “*một cách cơ bản, ông bà Nhu là thuốc độc đã giết chết chế độ.*” Bà Nhu là một “*người đàn bà để nổi nóng*” muốn áp đặt giải pháp cho những vấn đề chính trị nhưng hầu như bà luôn luôn kéo những vấn đề ấy theo chiều hướng đầy tai hại. Những cuộc khủng hoảng ảnh hưởng đến quốc gia làm cho bà Nhu bị kích động một cách mạnh mẽ, nhưng phản ứng của bà làm cho chuyện trở nên tệ hại hơn. Bà không đẹp nhưng có một bề ngoài gây ấn tượng, đầy nghị lực và có những sở thích quá độ. Thích phô diễn và cũng có máu khô hài nên bà Nhu là một người có sức nói chuyện thu hút, có khả năng diễn đạt. Theo Mecklin, cách bà Nhu nói chuyện như “*như súng liên thanh nổ bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.*” <sup>(7)</sup>

Trong khi nổi bất mãn với chính quyền ông Diệm càng ngày càng gia tăng, toà Bạch Cung không có cách nào khác hơn là thúc đẩy ông Diệm cải tổ để nói rộng sự ủng hộ của quần chúng. Năm 1959, Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow cố gắng thuyết phục ông Diệm tách bỏ ông Nhu và đem vào chính quyền những nhân vật mới. <sup>(8)</sup> Tháng 11 năm 1960, các quân nhân thuộc binh chủng Nhảy Dù của quân đội VNCH tổ chức đảo chánh ông Diệm cũng có cùng một mục đích như vậy. Một trong những đòi hỏi đầu tiên của lực lượng Nhảy Dù là bà Nhu phải rời ra khỏi Dinh Tổng thống. Theo một bản tin của tuần báo *Time*, bà Nhu đã hãnh diện khi biết được đòi hỏi này. <sup>(9)</sup> Trong những giây phút đầu tiên của cuộc đảo chánh, Tổng thống Diệm và hầu hết phụ tá trong

Dinh Độc Lập đều muốn chấp nhận những đòi hỏi phải thành lập một chính phủ mới. Chỉ một mình bà Nhu đã bác bỏ tất cả những đề nghị thỏa hiệp và khăng khăng đòi chiến đấu chống đảo chánh đến cùng. Cuối cùng ông Diệm kêu được những lực lượng vẫn còn trung thành với ông và chấm dứt được cuộc đảo chánh của binh chủng Nhảy Dù. Hậu quả của cuộc đảo chánh gần thành công này là ảnh hưởng của bà Nhu đã gia tăng một cách mãnh liệt làm mất tinh thần những kẻ thù của bà. Bàn về sự kiện này, bà Nhu đã tóm tắt một cách châm biếm: “*Trước đây thì họ không coi tôi ra gì. Nhưng bây giờ thì họ bắt đầu để ý đến tôi. Và mỗi lần tôi nói điều gì thì họ lại lo âu.*”

Trong khi xảy ra cuộc binh biến đó, Đại sứ Durbrow đã đề nghị mời bà Nhu qua trú ẩn ở Toà Đại sứ Mỹ. Lời mời này của ông Đại sứ đã làm cho bà Nhu đâm ra nghi ngờ có bàn tay đồng lõa của Mỹ mặc dầu người Mỹ đã không bảo trợ cuộc đảo chánh này. Càng lúc ông Diệm và ông Nhu càng trở nên hoang tưởng làm cho chế độ càng lấy thế phòng thủ và quần chúng càng trở nên xa lánh. Theo ký giả Halberstam của nhật báo New York Times “*Tất cả chuyện gì sai quấy đều đổ tội lên đầu ông bà Nhu*” và bà Nhu “*đã trở thành mục tiêu của càng nhiều căm thù.*”<sup>(10)</sup>. Còn theo sử gia Joseph Buttinger thì “*Nhu và vợ là hai người bị thù ghét nhất Nam Việt Nam*”<sup>(11)</sup>.



Với Luật Gia Đình năm 1958, bà Nhu vẫn coi là chưa đủ để bảo vệ đạo đức của người Việt Nam. Luật Bảo vệ Luân Lý năm 1962 của Bà Nhu nhằm tấn công một số lớn hành vi khác như ngừa thai, thi hoa hậu, cờ bạc, nhảy đầm, đánh võ quyền Anh, đá gà và đá cá. Trẻ vị thành niên bị cấm coi một vài loại phim hay kịch. Phù thủy và đồng bóng bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Đĩ điếm bị cấm<sup>(12)</sup>. Dân chúng càng thích những điều bị cấm đoán thì những đạo luật này càng làm cho bà Nhu bị ghét bỏ. Theo ký giả Malcolm Browne của cơ quan thông tấn Associated Press (AP) tại Sài Gòn, bà Nhu còn tuyên chiến với cả gia đình của chính bà. Năm 1962 bà đã làm cho chị của bà (Trần Lệ Chi) phải tìm cách tự tử. Năm 1963, bà tuyên bố từ bỏ cha mẹ của bà.<sup>(13)</sup>

Mặc dù bà Nhu hãnh diện đã được đề ý trong vụ đảo chánh năm 1960, bà lại trở nên giận dữ khi bà và ông Nhu trở thành mục tiêu trong vụ phản loạn thứ hai. Ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai phi công, đã được huấn luyện ở Mỹ, thuộc Không Quân VNCH lái hai chiếc khu trục AD-6 cất cánh từ căn cứ Biên Hoà ở ngoại ô phía Bắc Sài Gòn. Trung úy Nguyễn Văn Cử đã cố ý nhắm thả một trái bom ở cánh trái Dinh Tổng thống, nơi sinh sống của gia đình ông bà Nhu. Khi bom nổ, ông Diệm đang đi trong một hành lang và gần như bị hơi bom kéo đi một quãng dài. Ông Nhu không bị gì, Bà Nhu chỉ bị trật chân vì té cầu thang. Người đồng chí của Trung úy Cử là Trung úy Phạm Phú Quốc bị súng phòng không bắn hạ máy bay (trên sông Sài Gòn) và bị bắt làm tù binh.

Trung úy Cử đã dùng bom lửa (napalm) và chất nổ để tấn công Dinh Độc Lập xong bay thẳng qua Cao Mên và được hưởng quy chế tỵ nạn chính trị. Sau đó ông đã tuyên bố là lòng căm thù làm cho ông tấn công Dinh Độc Lập đã đến từ gia đình ông Diệm nhiều hơn là từ chính ông Diệm. Trung Úy Quốc bị giam cho đến khi cuộc đảo chánh thứ ba xảy ra mới được trả tự do. Sau đó cả hai phi công đều trở lại nhiệm sở phi công cũ của họ.<sup>(14)</sup>

Ông Diệm biết là ông cần viện trợ Mỹ để giữ vững ghế Tổng thống, nhưng ông và ông bà Nhu muốn một loại viện trợ vô điều kiện. Nhà Ngô không bằng lòng với sự hiện diện ngày càng lan rộng của người Mỹ trong nước họ - Bà Nhu gọi một cách danh đá là “*chủ nghĩa Mỹ quốc đáng sợ*” – và họ sẵn sàng hành động để giới hạn chuyện này. Trước hết, bà Nhu ra lệnh cho cảnh sát bắt những người đàn bà Việt Nam đi ngoài đường với người Mỹ.<sup>(15)</sup> Theo ký giả Halberstam, nguyên tắc chính trị của bà Nhu khá đơn giản: *Nhà Ngô luôn luôn đúng, họ không bao giờ nên thỏa hiệp và không bao giờ cần để ý đến những chỉ trích.*<sup>(16)</sup> Về một mặt khác, người Mỹ nghĩ họ đang là người nuôi dưỡng chế độ, đang huấn luyện cảnh sát và quân đội VNCH, và cố vấn Mỹ bắt đầu chết vì chế độ Diệm ở ngoài mặt trận. Người Mỹ nghĩ là họ có quyền đưa ra những lời khuyên và họ chờ đợi chế độ Diệm nghe theo lời khuyên của họ.

Nhờ vào viện trợ của Mỹ, quân lực VNCH đã tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng đồng thời, quân số và hoạt động của Việt Cộng cũng tăng trưởng nhanh chóng theo.<sup>(17)</sup> Và chính các phần tử của quân đội VNCH đã tấn công Dinh Tổng thống hai lần. Trong mỗi nghi ngờ lòng trung thành của quân đội, ông Diệm bắt đầu áp dụng những chiến thuật quân sự để làm yếu khả năng đảo chánh của quân đội hơn là để chiến đấu chống Cộng



sản một cách hữu hiệu. Theo ký giả Halberstam, cách hành xử của bà Nhu đã làm cho mối liên hệ với các sĩ quan cao cấp càng trở nên tệ hại, khi bà ở trong Dinh Tổng thống và ra lệnh cho họ như “*người làm trong nhà*.” Bà thường đối xử với những người này như tôi tớ của nhà bà.<sup>(18)</sup>

Tổng thống Diệm và ông Nhu theo đạo Công giáo trong khi đa số dân Việt Nam theo đạo Phật. Vì tình trạng đảng phái đối lập ở miền Nam bị cấm đoán (giống như chế độ Cộng sản ở miền Bắc), đạo Phật trở thành một phương tiện để cho những bất mãn được phát lộ. Anh của Tổng thống Diệm là ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, thành phố trung tâm của đạo Phật ở Việt Nam. Khoảng đầu năm 1963, người ta tổ chức một lễ mừng 25 năm (Ngân Khánh – LND) ông Thục lên chức Tổng Giám mục. Cả hai lá cờ Công giáo Vatican và cờ quốc gia Việt Nam đều đã được treo khắp nơi. Đây là một sự vi phạm luật đương thời chỉ cho phép cờ quốc gia được treo ở những nơi công cộng. Một thời gian ngắn sau đó là lễ mừng Phật Đản Sinh thứ 2,587 và Phật tử ở Huế muốn treo cờ Phật giáo. Khi chính quyền ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối và chín người đã bị quân của chính quyền bắn chết. Sau biến cố này, Đại sứ Mỹ William Trueheart đã thúc dục ông Diệm hãy làm hòa với các Phật tử bằng cách chấp nhận lỗi lầm, đền bù cho gia đình những nạn nhân và công khai xin lỗi về chuyện này. Thay vì làm như vậy, chính quyền đã đổ lỗi cho Việt Cộng. Khi Phật tử tiếp tục xuống đường phản đối, chính quyền ra lệnh cấm biểu tình. Và đó là khởi đầu của cuộc khủng hoảng Phật giáo làm nghiêng ngửa chế độ.

Sau khi nhận thấy những phản ứng của chính quyền không thỏa mãn những đòi hỏi của Phật giáo, một số tăng ni bắt đầu một loạt phản đối bằng cách tuyệt thực. Phong trào phản đối ở Huế trở nên bạo động và quân của chính quyền chống trả trở lại. Những cuộc biểu tình của Phật tử chống chính quyền càng lúc càng lan rộng một cách nhanh chóng trên toàn quốc. Ngày 11 tháng 6 năm 1963, một vị sư già ngồi xuống trên một ngã tư đường gần chùa Xá Lợi. Một vị sư khác đổ xăng lên người ông ta, vị sư già châm một que diêm, và ngọn lửa bùng lên trên thân thể ông. Đó là Hoà thượng Thích Quảng Đức, người đầu tiên trong bảy vị sư đã tự thiêu để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm.

Những vụ tự thiêu làm choáng váng các viên chức Mỹ và họ đã áp lực ông Diệm hãy tìm một cách nào để dàn xếp cuộc khủng hoảng. Muốn chứng tỏ mình là một người sắt đá, bà Nhu vênh váo kêu gọi cần phải đập các nhà sư “*mười lần hơn nữa*” và miệt thị những cuộc tự thiêu là “*những màn nướng sư*” (monk barbecue show)<sup>(19)</sup> Bà Nhu còn châm thêm dầu vào lửa với lời nhạo báng: “*Nếu các Phật tử muốn có thêm một cuộc nướng thịt, tôi sẽ hân hoan cung cấp dầu xăng và một que diêm.*”<sup>(20)</sup> Cuối cùng, người Mỹ cũng ép được ông Diệm đi gặp các lãnh tụ Phật giáo và ông đã đưa ra một thông cáo hoà giải chung. Ngay khi biết được chuyện này, bà Nhu đã chê ông Diệm là hèn nhát và mềm như “*con sứa*”, dù ông chỉ quyết định đi điều đình với các Phật tử.<sup>(21)</sup>

Mặc cho những lời tuyên bố của ông Diệm, lập trường của hai bên trở nên cứng rắn hơn. Khởi đầu, những phản đối của Phật giáo có tính cách tôn giáo nhưng càng lúc càng trở nên chính trị và càng được quần chúng ủng hộ. Ông Nhu nói các Phật tử là những người nổi loạn và phong trào của họ bị Cộng sản xâm nhập. Tổng thống Diệm và ông bà Nhu muốn nghiền nát phong trào Phật giáo nhưng bị người Mỹ kềm chế. Người Mỹ bày tỏ lòng tin vào tự do tín ngưỡng và thúc dục chính quyền ông Diệm cần phải cải tổ. Cuộc khủng hoảng Phật giáo ngày càng trầm trọng cho đến mùa thu năm 1963. Ông bà Nhu than phiền là Tổng thống Diệm quá mềm yếu với Phật giáo và tin đồn loan ra là quân đội – và cả ông bà Nhu – đang âm mưu những kế hoạch đảo chánh để đẩy ông Diệm ra khỏi chính quyền.

Đêm 21 tháng 8 năm 1963, ông Nhu, vốn xem Lực Lượng Đặc Biệt (LLDB) như là đạo quân riêng của ông ta, đã ra lệnh cho hàng trăm lính LLDB dùng súng, lựu đạn và lựu đạn cay tấn công chùa Xá Lợi. Phật tử đã phòng thủ phía trong chùa nhưng sau hai giờ chống trả, hơn 100 nhà sư đã bị bắt và đem giam ở một nơi khác. Trong một cuộc phỏng vấn ngày hôm sau cuộc tấn công chùa này, ký giả Halberstam đã mô tả bà Nhu “*ở trong một trạng thái hờn hờ, nói năng ào ào như một nữ sinh sau một buổi nhẩy đầm.*” Bà nhõn nhõn nói với người phóng viên là chính quyền đã nghiền nát nhóm “*Phật tử Cộng sản*” và cho biết là vụ tấn công này là “*ngày vui nhất đời tôi kể từ ngày chúng tôi nghiền nát nhóm Bình Xuyên năm 1955.*”<sup>(22)</sup>

Nhưng vụ này không phải là ngày vui nhất đời của người Mỹ vì họ là những người cung cấp tiền và huấn luyện Lực lượng Đặc biệt Việt Nam để được dùng trong công tác chống lại quân phiến loạn Cộng sản chứ không phải để tấn công chùa chiền. Đến thời điểm này, các viên chức Mỹ bắt đầu thảo luận về khả năng của một cuộc đảo chánh tổ chức bởi những tướng lãnh bất đồng chính kiến.

Ngày 10 tháng 9, bà Nhu khởi đầu một chuyến công du đi Âu châu và Mỹ quốc để giải thích “âm mưu kỳ quái của Cộng sản để bóp nghẹt Việt Nam Cộng Hòa.” Bà cũng chế nhạo những báo cáo nói là Mỹ có thể giảm bớt viện trợ để phản đối sự đàn áp của chính quyền nhà Ngô.<sup>(23)</sup> Khi chính quyền Kennedy thực sự cắt đứt ngân khoản 3 triệu Mỹ kim dành cho Lực Lượng Đặc Biệt cho đến khi họ trở ra mặt trận, bà Nhu tố cáo điều đó là “*một hành động phản bội.*”<sup>(24)</sup> Ngày 22 tháng 9, khi đến La Mã (Roma, thủ đô nước Ý) bà gọi một cách chế nhạo các sĩ quan cố vấn Mỹ ở Việt Nam là những “*lính đánh thuê con nít.*”<sup>(25)</sup> Ngày 7 tháng 10, khi bà đến Nữu Ước, không có một quan chức liên bang, tiểu bang hay thành phố nào ra đón tiếp. Ngày 18 tháng 10, khi đến thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bà tố cáo chính quyền Kennedy giảm thiểu viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa là phản bội.<sup>(26)</sup>

Trong khi đó tại Sài Gòn, các tướng lĩnh dưới quyền lãnh đạo của tướng Dương Văn Minh, sau khi đã được các viên chức Mỹ bảo đảm là sẽ không can thiệp, đã tổ chức một cuộc đảo chánh lần thứ ba vào ngày 1 tháng 11 để lật đổ Tổng thống Diệm. Lần này [lần thứ ba của quân đội], cuộc đảo chánh đã thành công với kết quả là cái chết thê thảm của hai ông Diệm và Nhu. Khi nghe tin này, niềm vui của dân Sài Gòn bùng nổ một cách tương bừng. Một nhóm người dùng một dây sắt từ một tàu thủy đang đậu ngay bên tàu để kéo sập tượng bà Nhu.<sup>(27)</sup> Theo ký giả Halberstam, nếu lúc đó mà bà Nhu còn ở Sài Gòn, các tướng đảo chánh sẽ phải gặp rất nhiều khó khăn để ngăn cản sự cuồng nộ của dân chúng muốn treo cổ bà.<sup>(28)</sup>

Trong những ngày đó, tại Beverly Hills, một bà Nhu quản trí đã kết tội một cách cay đắng chính quyền Mỹ đã kích động và yểm trợ vụ đảo chánh. Khi được hỏi bà có muốn xin tỵ nạn chánh trị tại Mỹ, bà đã trả lời: “Không bao giờ! Tôi không thể nào sống trong một quốc gia có những người đã đâm vào chính quyền của tôi.”<sup>(29)</sup> Rồi bà cùng các con bay qua La Mã sống ẩn dật trong một tu viện. Theo một bản tin trong nhật báo New York Times, sau năm tuần công du tại Mỹ, bà đã để lại một mớ hóa đơn (khách sạn, tiệm ăn, nhà hàng, ... - LND) trị giá hàng ngàn Mỹ kim không có ai trả.<sup>(30)</sup>

Những nhà lãnh đạo trong chính quyền mới ở Sài Gòn đã hành động nhanh chóng để xóa sạch những ảnh hưởng độc hại của bà Nhu. Ngày 15 tháng 11, chính quyền Sài Gòn vô hiệu hóa thẻ thông hành của bà, và một tháng sau họ hủy bỏ hai bộ luật luân lý và gia đình không ai ưa của bà Nhu.<sup>(31)</sup>

Ba tuần sau vụ đảo chánh, cảm thấy không chịu được đời sống ẩn dật, bà Nhu bán cho một nhà xuất bản Pháp độc quyền hồi ký của bà trên phim, trên truyền hình, trên báo chí.<sup>(32)</sup> Bà lại bắt đầu những chỉ trích công khai đối với nước Mỹ. Bà gọi Đại sứ Henry Cabot Lodge là một “*bà vú em loạng quạng*” muốn trở thành một ông “toàn quyền” của Việt Nam Cộng Hoà.<sup>(33)</sup> Ngày 13 tháng Giêng năm 1964, bà Nhu lên tiếng yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc mở một cuộc điều tra cuộc đảo chánh tháng 11 và tổ ý nghi hoặc một cách lạ lùng là chồng bà và ông Diệm vẫn chưa chết.<sup>(34)</sup> Tháng sau đó, chính quyền Sài Gòn đặt bà ra ngoài vòng pháp luật và ra thông tư để bắt giữ bà.<sup>(35)</sup> Tháng 3 năm 1964, bà Nhu cho lưu hành một bản tuyên bố dài 16 ngàn chữ để tấn công Tổng thống Kennedy, người đã bị ám sát ngày 22 tháng 11 năm 1963, và kết án nước Mỹ là Phát xít và Cộng sản.

Tháng 6 năm 1964, bà Nhu nộp đơn xin chiếu khán để vào thăm nước Mỹ nhưng bị từ chối theo yêu cầu của Đại sứ Cabot Lodge. Tại La Mã, bà Nhu dọn về sống cùng một chỗ với Tổng Giám mục Ngô Đình Thục. Trong khi tuyên bố là bà rất ghét báo chí Mỹ nhưng bà vẫn đồng ý tiếp các ký giả theo các điều kiện: Phải trả 1,000 Mỹ-kim để chụp hình, 1,500 Mỹ kim để phỏng vấn và chụp hình. Và khi phỏng vấn thì phải chụp hình.<sup>(36)</sup>

Trong khi nước Mỹ càng lúc càng lún sâu vào vũng lầy của một cuộc chiến tranh nguy hiểm ở Việt Nam và những cuộc đảo chánh lật đổ một loạt chính quyền ở Sài Gòn, hình ảnh một người đã từng một thời là bà “Rồng phu Nhân” đáng sợ và đầy uy quyền đã trở nên nhạt nhòa, gia sản của bà lụn bại và cuộc đời bà sa sút thành một bi hài kịch thê thảm.

Dù được sinh ra từ một trong những gia đình quan trọng tại Việt Nam, trong thập niên 1970s, bà đã sống trong một biệt thự tại La Mã, một căn nhà được mô tả là đã “tàn tạ”. Nhà của bà bị trộm nhiều lần<sup>(38)</sup>. Bà dành thì giờ để làm vườn và viết lách.. Dầu vậy, nhà bà cũng đã bị trộm viếng nhiều lần. Năm 1967, cô gái Ngô Đình Lệ Thủy qua đời trong một tai nạn xe hơi (ở Paris). Tháng 7 năm 1986, em trai của bà, ông Trần Văn Khiêm, bị kết tội cố sát cha mẹ già là ông bà cựu Đại sứ Trần Văn Chương<sup>(37)</sup> tại tư gia ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Theo tin tức của báo chí, năm 1978 bà Nhu tuyên bố là đang viết gần xong một cuốn lịch sử của VNCH “từ vị thế của một người ở trong cuộc.” Không có ai còn sống mà có một cái nhìn tốt hơn bà Nhu về sự thăng trầm chế độ ông Diệm và thời kỳ nước Mỹ bắt đầu dính dấp vào một cuộc chiến tranh lâu dài nhất với nhiều tranh cãi nhất. Không có người đàn bà Việt Nam nào nhiều uy quyền hơn, tạo nhiều tranh cãi hơn và cũng bị khinh miệt nhiều hơn bà Ngô Đình Nhu.

Khi viết bài này, Bà Nhu đang sống ở La Mã và, đáng tiếc thay là cuốn sách của bà vẫn chưa được xuất bản.

PETER BRUSH

*Để tìm hiểu thêm, xin đọc:*

David Halberstam, *The Making of a Quagmire* (NY: Random House, 1965) và John Mecklin, *Mission in Torment; an Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam* (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1965).

Cước chú:

1 Để có thêm chi tiết về thời trẻ tuổi của Bà Nhu, xin xem “*The Queen Bee*”, Time, August 9, 1963, p. 22. “Ngo Dinh Nhu, Madame (Tran Le Xuan)” by Arthur T. Frame in *Encyclopedia of the Vietnam War: A Political, Social, and Military History*, Spencer C. Tucker, ed. NY: Oxford University Press, 1998, p. 293. Edward Miller, “Vision, Power, and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54.” *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol. 35, No. 3, October 2004, p. 448.

2 David Halberstam, *The Making of a Quagmire* (NY: Random House, 1964), p. 57.

3 Robert Scigliano, *South Vietnam: Nation Under Stress* (Boston: Houghton Mifflin Co., 1963), p. 43.

4 Halberstam, p. 56.

5 Scigliano, p. 45.

6 Scigliano, pp. 59-60.

7 John Mecklin, *Mission in Torment: An Intimate Account of the U.S. Role in Vietnam* (Garden City, NY: Doubleday, 1965), p. 37, 43, 48.

8 Robert Shaplen, *The Cult of Diem*, *New York Times*, May 14, 1972, p. SM 16.

9 “The Queen Bee,” Time, August 9, 1962, p.21.

10 Halberstam, pp. 48-49.

11 Joseph Buttinger, *Vietnam: A Political History* (NY: Frederick A. Praeger, 1968), p. 447.

12 Malcolm W. Browne, *The New Face of War: A Report on a Communist Guerrilla Campaign* (London: Cassell, 1965), p. 170. *New York Times*, February 4, 1962, p. 3.

13 Browne, p. 170.

14 *New York Times*, February 28, 1962, p. 1, and *New York Times*, March 1, 1962, p. 1.

15 Browne, 256.

16 Halberstam, pp. 65-66.

17 Andrew F. Krepinevich, Jr., *The Army and Vietnam* (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1986), pp. 58-59, 61-63.

18 Halberstam, p. 53.

19 *New York Times*, August 25, 1963, p. E1.

20 Mecklin, p. 178.

21 Halberstam, p. 212.

22 Halberstam, p. 235.

23 *Washington Post*, September 10, 1963, p. A9.

24 *New York Times*, October 23, 1963, p. 4.

25 *Washington Post*, September 23, 1963, p. A28.

26 *New York Times*, October 19, 1963, p. 6.

27 Seth Jacobs, *America’s Miracle Man in Vietnam* (Durham, NC: Duke University Press, 2004), p. 2.

28 Halberstam, p. 55.

29 *New York Times*, November 2, 1963, p. 1.

30 *New York Times*, November 16, 1963, p. 6.

31 *Washington Post*, November 29, 1963, p. A6.

32 *Washington Post*, November 16, 1963, p. A9, *New York Times*, December 19, 1963, p. 9.

33 *New York Times*, December 16, 1963, p. 8.

34 *New York Times*, January 14, 1964, p. 3.

35 New York Times, February 26, 1964, p. 2.

36 Washington Post, November 30, 1965, p. B3.

37 Washington Post, April 24, 1987, p. C2.

38 Washington Post, October 19, 1987, p. A1; New York Times, November 2, 1986, p. 23; "*Dragon Lady*", Newsweek, June 5, 1978, p. 16.

[Source: VIETNAM, October 2009 - một vài hình lấy từ Internet]